

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-ST
Ngày 29 tháng 9 năm 2020
*“V/v Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thọ.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-DS ngày 04/5/2020 về *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C;

Địa chỉ: Tòa nhà C, khu bán đảo L, quận H, TP. Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Duy K – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Đắk Nông (Theo giấy ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Bị đơn: Ông Sùng A T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Bản Đ, xã Đ huyện T, tỉnh Đắk Nông; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vừ Thị S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Bản Đ, xã Đ huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/03/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Thực hiện chương trình cho vay hộ nghèo làm nhà ở nên vào ngày 26 tháng 03 năm 2010 Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T đã giải ngân cho vợ chồng ông Sùng A T và bà Vừ Thị S vay số tiền là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) theo

hợp đồng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010 đã nộp kèm đơn khởi kiện. Theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho ông Sùng A T và bà Vừ Thị S vay số tiền là 7.000.000 đồng với lãi suất 0,25% một tháng. Thời gian trả lãi 12 tháng một lần, thời hạn vay 120 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/3/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Sùng A T đã vi phạm hợp đồng, cụ thể vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi theo hợp đồng tính đến ngày 14/3/2020 ông Sùng A T và bà Vừ Thị S còn nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 7.000.000 đồng tiền gốc và 2.026.000 đồng tiền lãi. Ngân hàng đã cử cán bộ nhiều lần đôn đốc ông Sùng A T và bà Vừ Thị S trả nợ theo hợp đồng nhưng ông Sùng A T và bà Vừ Thị S không trả vì vậy Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T khởi kiện yêu Tòa án giải quyết buộc ông Sùng A T và bà Vừ Thị S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc là 7.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Sùng A T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vừ Thị S đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng ông Sùng A T và bà Vừ Thị S không hợp tác làm việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ông Sùng A T và bà Vừ Thị S vắng mặt không có lý do.*

** Phần tranh luận:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T toàn bộ số tiền gốc là 7.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 29/9/2020 theo hợp đồng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 275; Điều 351; Điều 385; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T, buộc ông Sùng A T và bà Vừ Thị S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc là 7.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Sùng A T có địa chỉ cư trú tại Bản Đ, xã Đ, huyện T, Đắk Nông. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc, vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác giải quyết, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ chối quyền tham gia tố tụng dân sự hợp pháp được pháp luật tố tụng dân sự bảo vệ. Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp

[2.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào hợp đồng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010 hạn trả nợ cuối cùng là ngày 20/3/2020; đến thời hạn trả nợ Ngân hàng đã yêu cầu ông Sùng A T và bà Vũ Thị S trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng nhưng ông Sùng A T và bà Vũ Thị S không trả. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi và vi phạm về mục đích sử dụng vốn vay theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật; vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2.2] Về nội dung tranh chấp: Nội dung tranh chấp là số tiền vay 7.000.000 đồng theo hợp đồng mã món vay số 6000006400040390; Ngân hàng đã giải ngân cho ông Sùng A T số tiền vay này theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã cử cán bộ làm việc với ông Sùng A T và bà Vũ Thị S đề yêu cầu ông Sùng A T thực hiện đúng hợp đồng nhưng ông Sùng A T không hợp tác. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Sùng A T trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3.1] Về hợp đồng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010, ngân hàng đã giải ngân cho ông Sùng A T vay số tiền gốc 7.000.000 đồng. Khi giải ngân ngân hàng đã giải ngân đúng trình tự vay vốn, ông Sùng A T đã nhận đủ tiền vay và đã đóng lãi theo hợp đồng được một phần vì vậy hợp đồng này là có thật và đã thực hiện trên thực tế.

[3.2] Căn cứ theo nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010 thì đến ngày 20/3/2020 ông Sùng A T và bà Vừ Thị S phải trả hết nợ cho Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán, ông Sùng A T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Khi đến hạn trả nợ ngân hàng đã yêu cầu ông Sùng A T trả toàn bộ gốc và lãi theo món vay nhưng ông Sùng A T không trả như vậy ông Sùng A T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Việc Ngân hàng khởi kiện buộc ông Sùng A T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, điều 429 của Bộ luật dân sự, việc Ngân hàng khởi kiện là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[3.4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, căn cứ theo nội dung hợp đồng tín dụng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010 thì lãi suất trong hạn là 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Tính đến ngày 29/9/2020, ông Sùng A T còn nợ Ngân hàng các khoản cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).
- Tiền lãi: 2.163.408 đồng;
- Tổng cộng cả gốc và lãi là: 9.163.408 đồng.

[3.5] Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T buộc ông Sùng A T và bà Vừ Thị S phải trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 9.163.408 đồng, trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 2.163.408 đồng.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Sùng A T thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ và là người đồng bào dân tộc thiểu số hiện ở xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Sùng A T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T.

Buộc bị đơn ông Sùng A T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vừ Thị S phải liên đới trả cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T số tiền 9.163.408 đồng (trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2020 là 2.163.408 đồng) theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 6000006400040390.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Sùng A T và bà Vừ Thị S phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng mã món vay số 6000006400040390 ngày 26/3/2010 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Sùng A T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Tiên Thọ